|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**  **VIỆT NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | Số: /2023/TT-NHNN | *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* | |
| Dự thảo |

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý**

**của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 8 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.*

**Điều 1. Giải thích từ ngữ**

Trong thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hệ thống báo cáo Ngân hàng Nhà nước là hệ thống thông tin thu thập, tổng hợp, phân tích số liệu báo cáo từ đối tượng thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và các chế độ báo cáo khác để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ngân hàng Nhà nước và cung cấp số liệu theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

2. Hệ thống báo cáo Ngân hàng Nhà nước được xây dựng đảm bảo đáp ứng các yêu cầu chung quy định tại Điều 17 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

3. Hệ thống báo cáo Ngân hàng Nhà nước có thể kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và các cơ quan, tổ chức liên quan.

4. Bộ phận một cửa tại Ngân hàng Nhà nước là tên gọi chung của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước và Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh).

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 10 Thông tư số 36/2012/TT-NHNN ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về trang bị, quản lý vận hành và đảm bảo an toàn hoạt động của máy giao dịch tự động** **(đã được sửa đổi tại Thông tư số 14/2019/TT-NHNN ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước) như sau:**

“b) Báo cáo tình hình hoạt động ATM 6 tháng đầu năm và báo cáo năm như sau:

- Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được lập và gửi đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam *qua hệ thống báo cáo Ngân hàng Nhà nước.*

- Thời gian chốt số liệu: tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo đối với báo cáo 6 tháng và từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo đối với báo cáo năm.

- Thời hạn gửi báo cáo: chậm nhất vào ngày 15 tháng 7 của năm báo cáo đối với báo cáo 6 tháng và chậm nhất vào ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

- Đề cương báo cáo theo Mẫu số 4 (đối với tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán) và Mẫu số 5 (đối với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 9 Thông tư số 03/2014/TT-NHNN ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống Quỹ Tín dụng nhân (đã được sửa đổi tại Thông tư số 14/2019/TT-NHNN ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước) như sau:**

“4. Các báo cáo tại khoản 1, 2, 3 Điều này được lập và gửi đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam *qua hệ thống báo cáo Ngân hàng Nhà nước”.*

**Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 Thông tư số 22/2015/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định hoạt động cung ứng và sử dụng séc như sau:**

**“Điều 10. Thủ tục đăng ký mẫu séc trắng**

1. Ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác xã, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trước khi in séc trắng để cung ứng cho khách hàng phải thực hiện đăng ký mẫu séc trắng tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tổ chức cung ứng séc nộp 01 bộ hồ sơ theo 01 trong 03 cách thức sau:

a) *Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước;*

b) Gửi qua dịch vụ bưu chính;

*c)*  *Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc trên Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước.*

2. Hồ sơ đăng ký mẫu séc trắng gồm:

a) Giấy đề nghị đăng ký mẫu séc trắng theo Phụ lục 08 đính kèm theo Thông tư này;

b) Mẫu thiết kế của tờ séc trắng, gồm: kích thước, màu sắc, các yếu tố chi tiết của tờ séc trắng;

*3. Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc trên Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.* *Trường hợp hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa tại trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước.*

4. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận về việc đăng ký mẫu séc trắng của tổ chức cung ứng séc.

**Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp liên quan đến thủ tục đăng ký và cấp tài khoản truy cập Trang điện tử đối với người sử dụng là bên đi vay**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 Thông tư số 12/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp như sau:

“1. Bên đi vay gửi 01 bộ hồ sơ để thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Thông tư này theo *01 trong 03* cách thức sau:

1. Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước;
2. Gửi qua dịch vụ bưu chính;

*c) Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ Công Ngân hàng nhà nước (áp dụng đối với thủ tục đăng ký và cấp tài khoản truy cập đối với người sử dụng là bên đi vay quy định tại Điều 10 Thông tư này)”.*

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 Thông tư số 12/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp như sau:

“3. *Đăng ký và cấp tài khoản truy cập đối với người sử dụng là bên đi vay:*

*a) Người sử dụng điền thông tin trên:*

*- Tờ khai điện tử đề nghị cấp tài khoản truy cập theo hướng dẫn trên Trang điện tử, in tờ khai từ Trang điện tử, ký và đóng dấu (áp dụng đối với bên đi vay không lựa chọn cách thức nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước); hoặc*

*- Tờ khai điện tử đề nghị cấp tài khoản truy cập trên Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (áp dụng đối với bên đi vay lựa chọn cách thức nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước);*

*b) Người sử dụng gửi tờ khai quy định tại điểm a Khoản này qua dịch vụ bưu chính; hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước quy định tại điểm a khoản 5 Điều này; hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước;*

*c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ khai đề nghị cấp tài khoản truy cập của người sử dụng với các thông tin đầy đủ và hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này duyệt và cấp tài khoản truy cập qua hộp thư điện tử mà người sử dụng đã đăng ký. Trường hợp từ chối cấp tài khoản truy cập phải có trả lời trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước hoặc trả lời đến hộp thư điện tử mà người sử dụng đăng ký (áp dụng với trường hợp bên đi vay không sử dụng cách thức nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước) nêu rõ lý do”.*

**Điều 6. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

**Điều 7. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023, trừ quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các quy định tại Điều 5 Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày…tháng…năm…

3. Kể từ ngày các quy định tại Thông tư này có hiệu lực thi hành, các quy định sau đây được bãi bỏ :

a) Tiết b điểm 1 khoản 2, điểm 4 khoản 5 Điều 1 Thông tư số 14/2019/TT-NHNN ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều tại các thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ của Ngân hàng Nhà nước.

b) Điều 10 Thông tư số 22/2015/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định hoạt động cung ứng và sử dụng séc.

c) Khoản 1 Điều 7, Khoản 3 Điều 10 Thông tư số 12/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 6; - Ban lãnh đạo NHNN; - Văn phòng Chính phủ; - Bộ Tư pháp (để kiểm tra); - Công báo; - Lưu:VP, PC, VP4 (03 bản). | **THỐNG ĐỐC** |